

Số: 510/BC-UBND

Mộc Châu, ngày 08 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO
Công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách địa phương quý II (6 tháng) năm 2019

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ tình hình tài chính ngân sách quý II (6 tháng) đầu năm 2019, UBND huyện Mộc Châu thực hiện công khai tình hình tài chính ngân sách quý II (6 tháng) đầu năm 2019 như sau:

I. Công khai tình hình tài chính ngân sách quý II năm 2019

1. Cân đối ngân sách huyện (Biểu số 93/CK-NSNN).
2. Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước (Biểu số 94/CK-NSNN).
3. Ước thực hiện chi ngân sách huyện (Biểu số 95/CK-NSNN).

II. Hình thức công khai: Công bố trên cổng thông tin điện tử huyện và gửi thông báo công khai cho các phòng, ban, các đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn.

III. Thời gian công khai: Kể từ ngày 08/7/2019.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý II (6 tháng) năm 2019. / *mm*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- CT, PCT UBND huyện (KT);
- Chuyên viên khối Kinh tế;
- Các xã, thị trấn;
- Các đơn vị liên quan;
- Ban biên tập cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH 30b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Long Trung Tâm
Long Trung Tâm


ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUÝ II (HUYỆN 6) THÁNG NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

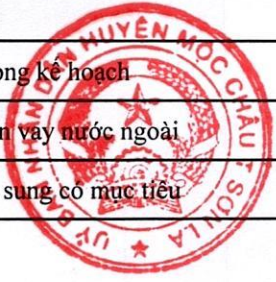
STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2019	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1*100	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	843.806	328.883	38,98	265,87
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	808.731	317.741	39,29	273,24
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	270.712	82.849,00	30,60	782,35
1	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	255.000	70.865,25	27,79	728,43
2	Chi đầu tư XDCB tập trung	15.712	11.983,75	76,27	1.391,52
II	Chi thường xuyên	526.033	230.022	43,73	228,21
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	300.859	136.783,90	45,46	211,96
2	Chi văn hoá thông tin, thể dục, thể thao; phát thanh-truyền hình	6.774	2.116,95	31,25	233,66
3	Chi hoạt động kinh tế	21.074	16.217,00	76,95	378,07
4	Chi quản lý hành chính	109.684	50.325,00	45,88	261,78
5	Chi bảo đảm xã hội	22.555	7.155,00	31,72	200,55
6	Chi An ninh- quốc phòng	12.828	5.250,00	40,93	105,89
7	Chi khác ngân sách	801	203,00	25,34	50,62
8	Tăng thu 50% để thực hiện CCTL	2.000	-	-	-
9	Dự kiến tăng thu 2018	2.000	-	-	-
10	Chi điều tiết NS TƯ, tỉnh	47.458	11.971,00	25,22	540,82
III	Dự phòng ngân sách	11.986	4.870,30	40,63	99,25
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	35.075	11.142	31,77	150,31
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	34.036	9.526,00	27,99	699,47
2	Các chương trình mục tiêu	1.039,1	1.616,00	155,52	26,71



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II (6 THÁNG) NĂM 2019 *mv*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện 6 tháng năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2019	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1*100	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	380.000,0	76.274,0	20%	61%
I	Thu nội địa	380.000,0	76.274,0	20%	61%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp địa phương	350	325,0	93%	98%
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
4	Thu từ khu vực CTN - Ngoài quốc doanh	28.000	12.116,0	43%	99%
5	Thuế thu nhập cá nhân	10.500	5.824,0	55%	99%
6	Thuế bảo vệ môi trường				
7	Lệ phí trước bạ	13.000	5.192,0	40%	98%
8	Thu phí, lệ phí	4.500	2.048,0	46%	104%
9	Các khoản thu về nhà, đất	315.000	36.273,0	12%	38%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		13,0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				0%
-	Thu tiền sử dụng đất	300.000	30.405,0	10%	34%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	15.000	5.855,0	39%	86%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
10	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	512	1.391,0	272%	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
12	Thu khác ngân sách	8.138	13.091,0	161%	349%
13	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		14,0		
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	380.000	76.274,0	20%	61%
1	Từ các khoản thu phân chia	308.650	44.887,0	15%	48%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	71.350	31.387,0	44%	96%
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	463.806	238.004,0	52,50	92%



1	Trong kế hoạch	427.231	180.678,0	<i>nh</i>	84%
2	Vốn vay nước ngoài				
3	Bổ sung cơ mục tiêu	36.575	57.326,0		130%



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II (6 THÁNG) NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2019	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	$3=2/1*100$	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	843.806	406.957,9	48%	81%
I	Thu cân đối NSNN	843.806	314.278,0	37%	82%
1	Thu nội địa	380.000	76.274,0	20%	61%
2	Thu viện trợ				
3	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	463.806	238.004,0	51%	92%
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		92.679,88		77%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	855.792	332.487,4	39%	79%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	820.717	322.811,4	39%	79%
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	270.712	82.849,0	31%	60%
2	Chi thường xuyên	538.019	234.992,1	44%	88%
3	Dự phòng ngân sách	11.986	4.970,29	41%	101%
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	35.075	9.676,0	28%	71%